ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 98/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 02 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Long An, Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Tây Ninh; Giám đốc Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp thẩm quyền quản lý công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước sau khi đưa vào khai thác, sử dụng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Mỗi hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật. Tùy theo quy mô, năng lực, mức độ phức tạp về kỹ thuật và vị trí của công trình để phân cấp quản lý, vận hành, khai thác cho phù hợp, đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả công trình. Bảo đảm tất cả hệ thống công trình, công trình thủy lợi phải được tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành và bảo vệ.

2. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải đảm bảo tính thống nhất theo hệ thống công trình, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, mục đích sử dụng đã xác định, nhằm phát huy hiệu quả khai thác tổng hợp, phục vụ đa mục tiêu công trình thủy lợi.

3. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý công trình thủy lợi phải đảm bảo năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình theo quy định của Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 19 của Luật Thủy lợi

số 08/2017/QH14. Đồng thời, bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

5. Tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng công trình thủy lợi thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

6. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải phù hợp với quy định của pháp luật về thủy lợi và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tính kế thừa, thuận lợi trong quá trình quản lý, sử dụng nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý các công trình thủy lợi đầu mối, các kênh chính và các kênh cấp dưới, các công trình điều tiết nước có quy mô vừa và lớn, hệ thống thủy lợi có yêu cầu về quản lý, vận hành phức tạp, công trình làm nhiệm vụ điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, điều tiết nước nhằm đảm bảo hài hòa, lợi ích giữa các xã, phường trên địa bàn tỉnh trừ công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; công trình thủy lợi đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Miền Nam và trừ công trình thủy lợi do tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức, cá nhân tự đầu tư, cụ thể:

a) Hồ chứa nước lớn có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m^3 đến dưới 1.000.000.000 m^3;

Đập có chiều cao từ 10m đến dưới 100m hoặc đập của hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m^3 đến dưới 1.000.000.000 m^3;

Đập có chiều cao từ 10m đến dưới 15m và chiều dài đập từ 500m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10m đến dưới 15m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m^3/s.

b) Các bờ bao thủy lợi có diện tích bảo vệ từ 500 ha trở lên; các tuyến đê bao (bờ bao thủy lợi) ngăn mặn, ngăn triều cường ven sông;

c) Trạm bơm tưới lớn và vừa có tổng lưu lượng từ 2.000 m^3/h trở lên; Trạm bơm tiêu, trạm bơm tưới tiêu kết hợp lớn và vừa có tổng lưu lượng từ 3.600 m^3/h trở lên; Trạm bơm có phạm vi phục vụ tưới hoặc tưới, tiêu liên xã, phường;

d) Hệ thống cấp, tưới nước (kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng) vừa và lớn có lưu lượng từ 0,5 m^3/s hoặc chiều rộng đáy kênh từ 0,5 m trở lên;

đ) Hệ thống tiêu, thoát nước, tưới tiêu kết hợp (kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng), cụ thể:

Đối với hệ thống tiêu, thoát nước, tưới tiêu kết hợp bằng phương pháp tự chảy có lưu lượng từ 1,5 m^3/s hoặc chiều rộng đáy kênh từ 3,0 m trở lên; kênh tiêu thoát nước đi qua địa bàn hai xã, phường trở lên;

Đối với hệ thống tiêu, thoát nước, tưới tiêu kết hợp bằng triều có năng lực phục vụ từ 600 ha trở lên; các kênh đi qua địa bàn hai xã, phường trở lên, giáp ranh tỉnh, ven biên giới Việt Nam - Campuchia.

e) Đường ống vừa và lớn có lưu lượng từ 0,025 m^3/s trở lên hoặc có đường kính trong từ 100 mm trở lên;

f) Cống, có các thông số như sau:

Các cống đầu mối có tổng chiều rộng thông nước từ 3,0 m trở lên;

Các cống tròn phục vụ theo hệ thống (kênh, rạch, bờ bao thủy lợi) do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn cấp xã, các kênh tiêu trước đây đã được đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo các suối, rạch tự nhiên thành công trình thủy lợi (trừ các công trình thủy lợi đã quy định tại khoản 1 Điều này); các công trình cầu, kè trong dự án đầu tư thủy lợi trên địa bàn cấp xã.

3. Đối với các công trình thủy lợi không xác định được cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, tùy theo nhiệm vụ và thông số kỹ thuật của công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng mới bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước sau thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành, đơn vị được giao làm Chủ đầu tư căn cứ các quy định hiện hành, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất cơ quan, đơn vị quản lý, khai thác trong quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án.

5. Trường hợp, công trình được nâng cấp, mở rộng thì sau khi được nâng cấp, mở rộng hoàn thành, cấp nào đang quản lý công trình thì tiếp tục quản lý công trình đó.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ các tiêu chí và điều kiện cụ thể, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, tổng hợp, lập danh mục công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý (cấp tỉnh, cấp xã), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và điều chỉnh khi cần thiết.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân quản lý công trình thủy lợi lập, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, tổ chức cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Xây dựng kế hoạch phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoạt động quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các công trình thủy lợi quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

6. Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền các nội dung về quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tiếp nhận, quản lý các công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp theo thẩm quyền; hàng năm đánh giá hiện trạng công trình, đề xuất danh mục, bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; xây dựng kế hoạch, kiện toàn bộ máy đảm bảo năng lực vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phù hợp theo quy định này; tổ chức vận hành khai thác công trình thủy lợi đảm bảo an toàn công trình, phát huy hiệu quả cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nhu cầu khác.

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình thủy lợi và xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở để tham gia đầu tư, quản lý, khai thác vận hành công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đáp ứng theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

4. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Hàng năm đánh giá hiện trạng công trình, đề xuất danh mục, kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân khai thác, vận hành; tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi; kiểm kê, đánh giá nguồn nước để xây dựng kế hoạch cấp nước phục vụ sản xuất

nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác.

2. Triển khai thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 20 của Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung về quy định này thì kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.